

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -01-2023
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 564/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Minh T**, năm sinh 1991;

Địa chỉ: Số 214, ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 214, ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Minh T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị T đã có thời gian tìm hiểu, quen nhau, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ ngày 19/12/2016.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Thời gian sau này, vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, thường xuyên bất hòa, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần, không còn như trước.

Vào ngày 17/6/2022, chị T có xin gia đình đưa con về nhà cha mẹ ruột chơi một tuần rồi về, nhưng sau đó Anh T có liên lạc thì chị T không chịu quay về. Nay Anh T nhận thấy chị T không muốn quay về sống với Anh T, hôn nhân không hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2017. Hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, Anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 23/11/2022, chị Trần Thị T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Minh N, sinh năm 2017 đang sống với chị T. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không có văn bản ghi ý kiến gửi (nộp) cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu được ly hôn và được nuôi con chung với chị Trần Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ kiện nhưng chị T có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T, chị T đồng ý ly hôn với Anh T. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác

định hôn nhân giữa Anh T và chị T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Anh T.

Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2017, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, Anh T và chị T đều yêu cầu được quyền nuôi con.

Xét từ khi Anh T, chị T sống xa nhau đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi con chung; Anh T không về chăm sóc con chung. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Trần Thị T.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2017

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Anh T đã nộp theo biên lai số 0014529 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh